

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DSST

Ngày: 21-3-2024

“V/v Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/01/2024 và ngày 04/3/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Lê D - sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C - sinh năm 1966 và ông Trần Văn D1 - sinh năm 1967 (có đều mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Trần Thị T - sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Ông Trần Văn Đ – sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Lê D trình bày: Vào năm 2009 bà Trần Thị T là chị em của tôi, có gửi cho tôi 23 chỉ

vàng 24k để sau này làm nhà mồ cho cha mẹ vì bà T không có con. Cùng năm 2009 em ruột tôi là ông Trần Văn Đ có mượn 13 chỉ vàng 24k của tôi đang giữ dùm bà T, còn lại 10 chỉ vàng 24k. Sau đó, em ruột tôi là bà Trần Thị C và chồng ông Trần Văn D1 mới mượn 10 chỉ vàng 24k còn lại tôi đang giữ. Đến khi gia đình bà C và ông D1 cất nhà thiếu tiền nên hỏi mượn thêm 03 chỉ vàng 24k ông Đ đã mượn trước đó và bà C, ông D1 nói khi nào bà T cần thì ông, bà sẽ trả lại nên tổng cộng bà Trần Thị C và ông Trần Văn D1 mượn số vàng tôi giữ dùm là 13 chỉ vàng 24k. Đến năm 2020 tôi cùng bà T và ông Đ có đòi số vàng bà C và ông D1 mượn trước đây là 13 chỉ vàng 24k vì trước đây bà C và ông D1 có hứa sẽ trả để chị em chúng tôi làm nhà mồ cho cha mẹ chúng tôi. Đến nay đã hơn 03 năm qua mà bà C, ông D1 không trả vàng cho tôi nên tôi có làm đơn gửi chính quyền địa phương mời ra hòa giải nhưng bà C và ông D1 đã phủ nhận không có thiếu số vàng nói trên và nói không có ai làm chứng nên bà C và ông D1 sẽ không trả số vàng 13 chỉ vàng 24k cho tôi.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị C và ông Trần Văn D1 phải trả lại cho tôi số vàng mượn trước đây là 13 chỉ vàng 24k.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 10/01/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị C trình bày: Vợ chồng tôi là em ruột (bà C) và em rể (Dụng) của bà Trần Lệ D và chúng tôi có tất cả 11 anh chị em. Theo bà D trình bày có cho chúng tôi mượn 13 chỉ vàng 24k vào năm 2009 nên vợ chồng tôi xác định vào năm 2009, vợ chồng tôi không có mượn vàng của bà D như bà trình. Đồng thời, bà D cho rằng cùng năm 2009 vợ chồng tôi có mượn vàng bà hai lần là: Lần thứ nhất 10 chỉ vàng 24k và lần thứ 2 khi vợ chồng tôi xây dựng nhà thì mượn tiếp 03 chỉ vàng 24k nữa là 13 chỉ vàng 24k là không có vì vợ chồng tôi không có mượn vàng bà D.

Mặc khác, vợ chồng tôi khẳng định từ trước đến nay chúng tôi không mượn vàng hay mượn tiền của bà D và chúng tôi cũng không có qua lại với bà D.

Vợ chồng tôi khẳng định khi cất nhà không có mượn vàng bà D như bà trình bày nhưng trước đây bà D có cho vợ chồng mượn 02 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng để vợ chồng tôi mượn đất làm. Sau đó, bà D có quy 10.000.000 đồng thành 03 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 24k nên tổng cộng là 05 chỉ vàng 24k thì vợ chồng tôi đã trả xong chứ không có liên quan tới 13 chỉ mà bà D khởi kiện vợ chồng tôi.

Nay, bà D khởi kiện buộc vợ chồng tôi trả cho bà 13 chỉ vàng 24k thì vợ chồng tôi không đồng ý vì vợ chồng tôi không có thiếu vàng bà D như bà khởi kiện.

Người làm chứng bà Trần Thị T trình bày: Tôi em ruột của bà D và chị ruột của bà C còn ông D1 là em rể. Tôi xác định có gửi cho bà D giữ dùm là 23 chỉ vàng 24k còn việc bà D có cho vợ chồng bà C, ông D1 mượn 13 chỉ vàng 24k không thì tôi không chứng kiến mà chỉ nghe bà D nói lại với tôi là bà D có cho vợ chồng bà C, ông D1 mượn 13 chỉ vàng 24k. Đồng thời, việc bà D cho vợ chồng bà C, ông D1 mượn 13 chỉ vàng 24k thì tôi không có liên quan vì vàng tôi gửi cho bà D giữ thì bà D có trách nhiệm trả cho tôi. Tôi xác định là bà D có cho vợ chồng bà C, ông D1

mượn 13 chỉ vàng 24k đúng sự thật nhưng tôi không căn cứ gì để chứng minh mà chỉ nghe bà D nói lại thôi.

Người làm chứng ông Trần Văn Đ trình bày: Tôi là em ruột của bà D, bà C còn ông D1 là anh rể tôi. Việc bà T có gửi cho bà D giữ dùm 23 chỉ vàng 24k là đúng sự thật nên tôi có mượn 13 chỉ vàng 24k của bà D, còn mượn ngày tháng năm nào thì tôi không nhớ. Sau đó, bà D mới kêu tôi đưa cho bà C, ông D1 mượn lại 03 chỉ vàng 24k, lúc tôi giao vàng bà C, ông D1 thì không có làm giấy tờ hay biên nhận gì cả mà nói miệng. Lý do không làm giấy tờ hay biên nhận là do tin tưởng anh chị em ruột với nhau. Tôi khẳng định chính tôi là người trực tiếp đưa cho bà C và ông D1 mượn 03 chỉ vàng 24k là sự thật còn ông D1, bà C không thừa nhận là tôi không đồng ý. Ngoài ra bà C, ông D1 có mượn thêm vàng của bà D hay không thì tôi không biết. Tại phiên tòa, ông Đ cho rằng ông giao vàng cho bà D, rồi bà D giao lại cho ông D1 và bà C chứ ông không có trực tiếp giao vàng cho bà C, ông D1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Lệ D đối với bị đơn bà Trần Thị C và ông Trần Văn D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Lệ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị C và ông Trần Văn D1 trả số tiền và vàng mượn còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc mượn tiền và vàng.

[3] Về nội dung: Bà Trần Lệ D khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C và ông Trần Văn D1 phải trả cho bà số vàng mượn còn thiếu là 13 chỉ vàng 24k loại 9999 còn bà

C và ông D1 không thừa nhận thiếu bà D 13 chỉ vàng 24k loại 9999 nên ông bà xác định hiện nay không mượn vàng bà D.

Xét về yếu khởi kiện của bà Trần Lệ D thấy rằng: Bà Trần Lệ D và bà C là chị em ruột còn ông D1 là em rể của bà. Tuy nhiên, bà D cho rằng bà có cho bà C và ông D1 mượn 13 chỉ vàng 24k nhưng lúc cho mượn vàng giữa bà và vợ chồng bà C, ông D1 không có làm giấy nợ hay có người chứng kiến là do tin tưởng chị em ruột với nhau. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho bà D cung cấp chứng cứ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có việc bà cho vợ chồng bà C, ông D1 mượn vàng. Lẽ ra, khi bà D cho bà C và ông D1 mượn vàng thì bà phải làm giấy xác nhận mượn vàng để làm căn cứ chứng minh là bà C, ông D1 có mượn vàng nhưng bà không làm được điều này. Từ những phân tích trên cho thấy bà C, ông D1 không có mượn vàng của bà D. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lệ D.

Xét về trình bày của ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị C thì HĐXX thấy rằng: Ông bà cũng xác định bà D là chị ruột của bà C và chị vợ ông D1 nhưng ông bà xác định vào năm 2009 ông bà không có vay mượn tiền hay vàng của bà D. Đồng thời, ông bà cho rằng nếu có mượn vàng của bà D thì yêu cầu bà D cung cấp chứng để chứng minh. Từ đó, cho thấy bà C và ông D1 không có mượn vàng của bà D. Do đó, lời trình bày của ông D1, bà C là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét về lời trình bày của bà Trần Thị T thấy rằng: Bà T có gửi cho bà D giữ dùm 23k vàng 24k là đúng sự thật vì bà D thừa nhận. Về việc bà D có cho bà C, ông D1 mượn vàng hay không thì bà cũng không có chứng kiến mà chỉ nghe bà D nói lại. Do đó, lời trình bày của bà T là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét về lời trình bày của ông Trần Văn Đ thấy rằng: Ông Đ xác định là bà T có giao cho bà D giữ dùm số vàng 23 chỉ vàng 24k nên ông có mượn bà D là 13 chỉ. Sau đó, bà D có yêu cầu ông giao cho bà C, ông D1 03 chỉ vàng 24k nhưng lúc giao vàng cho bà C, ông D1 thì giữa ông và bà C, ông D1 cũng không có làm giấy tờ nhận vàng với nhau chỉ nói miệng và ông cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là ông có giao cho bà C, ông D1 03 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ trình bày không thống nhất với lời trình bày của ông nêu trên là “*Ông giao vàng cho bà D 03 chỉ vàng rồi bà D giao 03 chỉ vàng cho bà C, ông D1 chứ ông không trực tiếp giao*”. Do đó, lời trình bày của ông Đ không thống nhất với nhau nên lời trình bày của ông Đ là không khách quan, không trung thực và không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của nguyên đơn bà Trần Lệ D đối với bị đơn ông Trần

Văn D1 và bà Trần Thị C nên lời đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn bà Trần Lệ D đối với bị đơn ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị C.

[6] Về án phí DSST: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu của bà Trần Lệ D không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trần Lệ D thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 494 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Lệ D đối với bị đơn ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị C.

2. Về án phí DSST: Do yêu cầu của bà Trần Lệ D không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trần Lệ D thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 04/3/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh